

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 19-8-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện

2. Ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2025/TLST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST – DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Ngân hàng N - Chi nhánh T1. Địa chỉ: Số B đường T, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố C, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoài V, chức vụ: Giám đốc, theo Quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng giám đốc A.

Đại diện theo ủy quyền tham tố tụng: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1983. Chức vụ: Phó Giám đốc A Chi nhánh T1 (có mặt)

- Bị đơn: Bà Mai Thị L, sinh ngày 05/10/1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Kim K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

2. Ông Phan Thành K1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N - Chi nhánh T1 trình bày:*

Vào ngày 06 tháng 12 năm 2022 bà Mai Thị L, thường trú địa chỉ số B ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) có ký kết Hợp đồng vay nợ với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T1 (nay là Ngân hàng N - Chi nhánh T1 gọi tắt là A Chi nhánh T1) số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) theo hợp đồng tín dụng số 7105-LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022.

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: TTH20240273/HĐTC ngày 06/12/2022 bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.428,9 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số CL591987, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08298 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp ngày 01/02/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên;

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.111,9 m², thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất CD397241, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.465,8 m², thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận QSD đất số CD397239, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

Bà Mai Thị L đã nhận nợ 01 (một) lần, cụ thể như sau:

* Giấy nhận nợ số 7105-LDS-202214436 ngày 14/12/2022

- Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng;

- Mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi bò sinh sản và nuôi dê sinh sản;

- Thời hạn cho vay: 03 năm; Hạn trả nợ cuối cùng: 06/12/2025.

- Phân kỳ trả nợ gốc:

+ Ngày 06/12/2023: 52.000.000 đồng

+ Ngày 06/12/2024: 73.000.000 đồng

+ Ngày 06/12/2025: 175.000.000 đồng

- Phân kỳ trả nợ lãi: 06 tháng/kỳ vào ngày 25;

- Lãi suất cho vay (tại thời điểm vay vốn); 11,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ và định kỳ hạn trả nợ kèm theo thì đến ngày 25 tháng 06 năm 2023 bà Mai Thị L đến hạn phân kỳ lãi, nhưng không thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận đã ký để phát sinh quá hạn trả lãi tiền vay, sau đó tiếp ngày 06/12/2023 quá hạn nợ gốc số tiền là 52.000.000 đồng và liên tiếp quá hạn các định kỳ gốc lãi tiếp theo của năm 2024. Mặc dù, A Chi nhánh T1 đã phối hợp cùng địa phương nhiều lần đến tiếp cận, đôn đốc, yêu cầu Bà Mai Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Nhưng Bà Mai Thị L có thái độ không hợp tác, không phối hợp và không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng, thường xuyên cố tình trốn tránh (không có mặt ở địa phương) và vẫn chưa trả được nợ vay đã quá hạn tại Ngân hàng. Tổng số nợ của bà Mai Thị L tính đến ngày 19/8/2025 là 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thành K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho A Chi nhánh T1 số tiền gốc và lãi đến ngày 19/8/2025 là 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/8/2025 khi xử lý xong theo hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022 cho đến khi nào trả hết nợ vay tại A Chi nhánh huyện T1 (nay là A Chi nhánh T1)

Trường hợp bà Mai Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A Chi nhánh T1 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.428,9 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL591987, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08298 do UBND huyện T cấp ngày 01/02/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên;

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.111,9 m², thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD397241, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.465,8 m², thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD397239, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

Các thửa đất nêu trên do bà Mai Thị L đứng tên quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: TTH20220273/HĐTC ngày 06/12/2022 được ký kết giữa bà Mai Thị L với A Chi nhánh T1 để thu hồi nợ. Sau khi

phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Mai Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim K, ông Phan Thành K1 phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Mai Thị L trình bày:*

Tôi thừa nhận vào ngày 06 tháng 12 năm 2022 tôi có ký kết Hợp đồng vay nợ với A Chi nhánh huyện T1 (nay là A Chi nhánh T1) với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn). Vay theo phương thức: Cho vay theo hạn mức.

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: TTH20220273/HĐTC ngày 06/12/2022 bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.428,9 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất số CL591987, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08298 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp ngày 01/02/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên;

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.111,9 m², thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất CD397241, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.465,8 m², thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận QSD đất số CD397239, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

Tổng số nợ tôi và 02 con tôi là Phan Thị Kim K và Phan Thành K1 còn thiếu Ngân hàng đến ngày 19/8/2025 là 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi: 88.561.403 đồng.

Tôi và 02 con tôi là Phan Thị Kim K và Phan Thành K1 đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) và chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 20/8/2025 theo hợp đồng tín dụng số: 7105- LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022 cho đến khi nào trả hết nợ vay tại A Chi nhánh T1. Hiện nay con tôi là Phan Thị Kim K và Phan Thành K1 bận đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, các lần Tòa án mời hòa giải và xét xử sơ thẩm tôi đều báo cho con biết nhưng 02 con tôi không xin nghỉ làm việc được nên không về tham dự được phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tôi đề nghị Ngân hàng cho trả dần vì tôi đang chuyển nhượng phần đất khác để trả tiền nợ cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim K, ông Phan Thành K1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định; đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 1 Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thanh K2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh T1 tạm tính đến ngày 19/8/2025 với số tiền 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh T1 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Mai Thị L có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim K, ông Phan Thành K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bà Phan Thị Kim K, ông Phan Thành K1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện Ngân hàng N - Chi nhánh T1 đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng số 7105-LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022 và biện pháp bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: TTH20220273/HĐTC ngày 06/12/2022 bao gồm quyền sử

dụng đất thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6; thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5; thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5 và các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Mai Thị L, bà L đã có lời khai thừa nhận nợ và đồng ý cùng liên đới với 02 người con là bà Phan Thị Kim K, ông Phan Thành K1 trả nợ cho Ngân hàng, đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 7105-LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022 và biện pháp bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng N - Chi nhánh T1 với bà Mai Thị L được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực thi hành đối với các bên nên Tòa án căn cứ vào các nội dung trong hợp đồng tín dụng để xem xét, giải quyết. Do bà Mai Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thành K1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc và lãi đến ngày 19/8/2025 là 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh tính từ ngày 20/8/2025 đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TTH20220273/HĐTC ngày 06/12/2022 bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 2.428,9 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất số CL591987, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08298 do UBND huyện T cấp ngày 01/02/2018. Quyền sử dụng đất diện tích 2.111,9 m², thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất CD397241, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016. Quyền sử dụng đất diện tích 2.465,8 m², thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận QSD đất số CD397239, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và tài sản gắn liền với các thửa đất. Các thửa đất thế chấp do bà Mai Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Đ) và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) đúng quy định. Trong trường hợp bà Mai Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thanh K2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thanh K2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh T1 tạm tính đến ngày 19/8/2025 với số tiền 388.561.403 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) *[Trong đó, nợ gốc là 300.000.000 đồng; tiền lãi là 88.561.403 đồng]*. Bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thanh K2 tiếp tục liên đới chịu lãi suất tính từ ngày 20/8/2025 đến khi trả hết nợ theo các mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202206522 ngày 06 tháng 12 năm 2022.

Trong trường hợp bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thanh K2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N - Chi nhánh T1 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TTH20220273/HĐTC ngày 06/12/2022 bao gồm:

Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.428,9 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất số CL591987, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08298 do UBND huyện T cấp ngày 01/02/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên; Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.111,9 m², thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất CD397241, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu; Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.465,8 m², thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận QSD đất số CD397239, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/05/2016 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu. Đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

(nay là ấp X, xã Đ) do bà Mai Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Mai Thị L, bà Phan Thị Kim K và ông Phan Thanh K2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 19.428.070 đồng (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn không trăm bảy mươi đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 9.106.000 đồng (Chín triệu một trăm lẻ sáu ngàn đồng) cho Ngân hàng N - Chi nhánh T1 theo biên lai thu số 0010910 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (P.GĐKT)
- VKS nhân dân khu vực 9;
- Phòng THA DS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương